

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2023

V/v ly hôn giữa bà T và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tân.

2. Bà Phạm Ngọc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Cẩm T, sinh năm: 1997 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: bà T và ông T tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 31/01/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau trong nhiều quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi gia đình, cả hai không còn quan

tâm chia sẻ nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành và ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Đặng Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 07/4/2015 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/02/2019. Hiện nay cả 02 con đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/5/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà T chung sống từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý do đã không còn khả năng hàn gắn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như bà T trình bày. Khi ly hôn, ông T đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi 02 con, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do bận công việc nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông T trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 208 của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ việc; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T có nơi cư trú tại xã Long Trạch, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: bà Đặng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 31/01/2020 nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T trình bày, sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau trong nhiều quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi gia đình, cả hai không còn quan tâm chia sẻ nhau, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành và ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Ông T cũng xác nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Bà T yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đồng ý do đã không còn khả năng hàn gắn nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: bà T và ông T chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 07/4/2015 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/02/2019. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Ông T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay 02 con chung đang sống chung với bà T và con chung Nguyễn Ngọc D có nguyện vọng được sống chung với bà T. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Cẩm T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: bà Đặng Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: bà Đặng Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 07/4/2015 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/02/2019. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: bà Đặng Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005284 ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên